TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 4 - 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Nguyễn Xuân Quán

Ông Cao Hữu Toan

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án-Toà án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toàn số 09/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thái Hồng M, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 9, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 9, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Thái Hồng M trình bày:

Chị M và anh Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, chị và anh K có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán, mời dân làng, hai bên họ hàng đến dự lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 2002 chị M và anh K chuyển đến sinh sống tại thôn 9, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sinh sống đến nay nhưng vẫn không đăng ký

kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh K chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu và đã có với nhau 02 con chung Nguyễn Thị Trầm B – sinh ngày 10/12/1996 và cháu Nguyễn Huyền T – sinh ngày 01/11/2002, nhưng về sau vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, tuy được hai bên gia đình và bạn bè khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi mà ngày càng thường xuyên uống rượu, quậy phá vợ con, không lo làm ăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh K không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Nguyễn Thị Trầm B và cháu Nguyễn Huyền T, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, chị với anh K cũng không có con nuôi, con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập thông qua UBND xã I, niêm yết thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại UBND xã I, tại nhà anh Nguyễn Văn K và tại Tòa án huyện Ea Súp tuy nhiên anh K đều vắng mặt tại Tòa án không lý do. Do vậy anh K không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16 tháng 03 năm 2021 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có ý kiến tranh luận gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân không công nhận quan hệ giữa chị Thái Hồng M và anh Nguyễn Văn K là quan hệ vợ chồng. Về con chung đều đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không

có bệnh tật gì, tài sản, công nợ chị M, anh K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Thái Hồng M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K có nơi cư trú thôn 9, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập thông qua UBND xã I, niêm yết thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại UBND xã I, tại nhà anh Nguyễn Văn K và tại Tòa án huyện Ea Súp tuy nhiên anh K vẫn không có mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Hồng M và anh Nguyễn Văn K đều khẳng định chị M và anh K về chung sống với nhau từ năm 1996 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre và UBND xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nơi chị M, anh K tổ chức lễ cưới và cư trú đến nay, đều xác nhận chị M, anh K không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chị M và anh K đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống chị M và anh K nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh K thường hay uống rượu, chửi nhau, không chăm lo gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh, chị ngày càng trầm trọng. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị M, anh K không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị Thái Hồng M và anh Nguyễn Văn K là quan hệ vợ chồng là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị M và anh K có 02 con chung là Nguyễn Thị Trầm B - sinh ngày 10/12/1996 và Nguyễn Huyền T - sinh ngày 01/11/2002, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì các cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, chị M và anh K cũng không có con nuôi, con riêng, chị M và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị M và anh K không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Thái Hồng M chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thái Hồng M**,** tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Hồng M và anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Nguyễn Thị Trầm B - sinh ngày 10/12/1996 và Nguyễn Huyền T - sinh ngày 01/11/2002, hiện nay đã trên 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có khả năng lao động tự nuôi sống mình, chị M, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Thái Hồng M phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0012049 ngày 24/12/2020.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể tử ngày niêm yết bản án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND xã I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án